

Số: **14** TB/DLS-HĐQT

Lam Sơn, ngày **29** tháng 10 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

- Mã chứng khoán: LSS

- Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

- Điện thoại liên hệ: 02378.99.66.67 Fax: 02373.834.092

- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất Quý I niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026; Kèm giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh so với cùng kỳ năm trước.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày **29**/10/2025 tại đường dẫn: <http://www.lasuco.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

1. Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất Quý I niên độ tài chính từ 01/07/2025 đến 30/06/2026.
2. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp so với cùng kỳ năm trước.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT

Lê Văn Tân

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỪ NGÀY 01 THÁNG 07 NĂM 2025

ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2025

(NIÊN ĐỘ TỪ NGÀY 01/07/2025 ĐẾN NGÀY 30/06/2026)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	1 - 4
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6 - 7
4. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.850.399.406.932	1.996.453.547.285
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	16.672.662.397	15.832.012.423
1. Tiền	111		13.162.600.794	12.350.035.587
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.510.061.603	3.481.976.836
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		88.674.621.281	89.736.222.328
1. Kinh doanh chứng khoán	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2	88.674.621.281	89.736.222.328
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		387.507.519.503	304.849.926.089
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3.1	38.253.343.449	23.480.804.682
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3.2	272.558.363.589	200.782.661.391
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4	38.945.418.280	42.800.000.000
6. Các khoản phải thu khác	136	5	64.095.666.387	64.168.016.618
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	6	(26.345.272.202)	(26.381.556.602)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.329.303.965.723	1.585.310.700.202
1. Hàng tồn kho	141	7	1.345.676.776.120	1.601.683.510.599
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(16.372.810.397)	(16.372.810.397)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.240.638.028	724.686.243
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	28.160.448.586	610.438.459
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		80.189.442	114.247.784
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.340.488.650.619	1.374.020.398.486
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	4	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định		220		684.616.507.396	693.919.126.464
1. Tài sản cố định hữu hình		221	9	647.276.469.078	656.037.353.506
<i>Nguyên giá</i>		222		2.819.741.652.117	2.819.777.894.323
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(2.172.465.183.039)	(2.163.740.540.817)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
<i>Nguyên giá</i>		225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	10	37.340.038.318	37.881.772.958
<i>Nguyên giá</i>		228		47.425.838.413	47.425.838.413
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		(10.085.800.095)	(9.544.065.455)
III. Bất động sản đầu tư		230		-	-
<i>Nguyên giá</i>		231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		299.256.385.245	300.946.425.503
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	11	299.256.385.245	300.946.425.503
V. Đầu tư tài chính dài hạn		250	12	318.751.405.517	340.905.864.544
1. Đầu tư vào công ty con		251		306.746.610.952	306.746.610.952
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		252		21.500.000.000	21.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253		5.251.145.800	5.251.145.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		254		(94.746.351.235)	(94.746.351.235)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255		80.000.000.000	102.154.459.027
VI. Tài sản dài hạn khác		260		37.864.352.461	38.248.981.975
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	8	37.864.352.461	38.248.981.975
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác		268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		3.190.888.057.551	3.370.473.945.771

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		1.405.486.357.973	1.604.390.555.411
I. Nợ ngắn hạn		310		1.379.564.151.915	1.577.908.442.292
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	13	43.401.095.256	150.947.063.814
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	14	202.393.569.005	81.888.319.868
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	15	42.159.477.962	34.150.404.633
4. Phải trả người lao động		314		6.683.889.039	14.567.089.456
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	16	5.527.531.838	4.840.471.535
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	17	15.185.791.100	14.320.174.316
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	18	1.012.082.054.404	1.224.228.998.852
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		52.130.743.311	52.965.919.818
13. Quỹ bình ổn giá		323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		324		-	-
II. Nợ dài hạn		330		25.922.206.058	26.482.113.119
1. Phải trả người bán dài hạn		331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
6. Phải trả dài hạn khác		337		1.000.000.000	1.000.000.000
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	19	3.735.000.000	3.735.000.000
8. Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
9. Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn		342		-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343	20	21.187.206.058	21.747.113.119

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

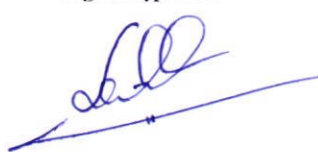
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.785.401.699.578	1.766.083.390.360
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	1.785.401.699.578	1.766.083.390.360
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		857.416.230.000	857.416.230.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		857.416.230.000	857.416.230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.455.332.801	191.455.332.801
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		598.378.787.910	598.378.787.910
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		138.151.348.867	118.833.039.649
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		118.833.039.649	7.587.904.041
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19.318.309.218	111.245.135.608
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	22	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.190.888.057.551	3.370.473.945.771

Lập ngày 29 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu



Lê Đức Anh

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



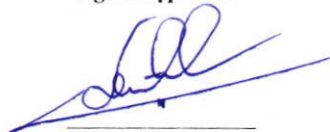
Lê Văn Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý I - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I	
				Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 1	366.851.169.035	458.420.134.979
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		366.851.169.035	458.420.134.979
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	317.807.948.464	403.935.108.366
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.043.220.571	54.485.026.613
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI. 3	5.097.414.746	3.526.874.805
7.	Chi phí tài chính	22	VI. 4	15.727.418.526	12.314.374.927
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		15.643.920.995	9.094.446.162
8.	Chi phí bán hàng	25	VI. 5	6.848.392.551	10.432.968.211
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI. 6	7.622.301.522	7.804.888.562
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.942.522.718	27.459.669.718
11.	Thu nhập khác	31	VI. 7	61.039.578	2.104.000
12.	Chi phí khác	32	VI. 8	1.072.359.623	284.877.550
13.	Lợi nhuận khác	40		(1.011.320.045)	(282.773.550)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.931.202.673	27.176.896.168
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.612.893.455	4.107.543.904
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.318.309.218	23.069.352.264

Lập ngày 29 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu



Lê Đức Anh

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn từ 01/07/2025 đến 30/09/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	22.931.202.673	27.176.896.168
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	13.238.827.523	14.206.698.474
- Các khoản dự phòng	03	(36.284.400)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.305.851.152)	(2.200.062.201)
- Chi phí lãi vay	06	15.643.920.995	9.094.446.162
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	49.471.815.639	48.277.978.603
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(89.113.759.018)	71.126.604.109
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	256.006.734.479	186.595.837.618
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	12.928.442.581	(89.051.731.596)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(27.165.380.613)	(24.997.341.690)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(15.857.826.987)	(9.401.650.637)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.689.599.466)	(18.086.631.314)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.395.083.568)	(1.774.107.304)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	183.185.343.047	162.688.957.789
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.826.690.335)	(2.739.090.060)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(965.774.863)	(20.915.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	29.069.932.937	12.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.524.783.636	4.117.491.506
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	29.802.251.375	(7.536.598.554)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	551.388.126.671	319.862.158.164
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(763.535.071.119)	(494.934.863.218)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(212.146.944.448)	(175.072.705.054)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	840.649.974	(19.920.345.819)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	15.832.012.423	36.828.566.477
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	16.672.662.397	16.908.220.658

Lập ngày 29 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu



Lê Đức Anh

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2025 đến ngày 30 tháng 09 năm 2025.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP- Oracle Net Suite).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	20 – 50
Phần mềm quản lý	05 - 08

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất, thuê kho trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025, Công ty không thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

12. Trích lập Quỹ Khoa học và Phát triển công nghệ:

Công ty thực hiện trích lập quỹ khoa học và phát triển công nghệ trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và phản ánh số trích lập trên chỉ tiêu “Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ”.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Căn cứ Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN (được bổ sung theo khoản 5 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015), Công ty thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 15% trên thu nhập chịu thuế từ chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía (sản phẩm trồng trọt trong lĩnh vực nông nghiệp) trên địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	48.263.514	90.667.354
Tiền gửi ngân hàng	13.114.337.280	12.259.368.233
Các khoản tương đương tiền	3.510.061.603	3.481.976.836
Cộng	16.672.662.397	15.832.012.423

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	88.674.621.281	89.736.222.328
Cộng	88.674.621.281	89.736.222.328

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**3.1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Phương Huy Linh	15.725.448.974	-
Công ty TNHH RED BULL (Việt Nam)	4.039.200.000	-
CÔNG TY TNHH BIA CARLSBERG VIỆT NAM	-	729.382.500
CÔNG TY MUA BÁN ĐIỆN	-	2.932.884.839
Các khoản phải thu khách hàng khác	18.488.694.475	19.818.537.343
Cộng	38.253.343.449	23.480.804.682

3.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán tại XNNL	209.741.698.290	195.071.362.953
Trả trước cho người bán tại VPCT	62.816.665.299	5.711.298.438
Cộng	272.558.363.589	200.782.661.391

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	38.945.418.280	42.800.000.000

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	5.320.801.017	4.998.680.900

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
<i>Công ty CP rượu Việt Nam – Thụy Điển</i>	8.504.060.306	8.504.060.306
<i>Tiền hỗ trợ phân bón</i>	41.899.988.575	42.899.988.575
Tạm ứng	594.587.200	233.210.077
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.896.845.044	1.896.845.044
Các khoản phải thu khác	5.879.384.245	5.635.231.716
Cộng	64.095.666.387	64.168.016.618
Dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Tiền hỗ trợ phân bón</i>	-	-
Cộng	-	-
6. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI		
Số đầu năm	(26.381.556.602)	
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	36.284.400	
Số cuối kỳ	(26.345.272.202)	
7. HÀNG TỒN KHO		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	33.510.629.985	28.095.101.387
Công cụ, dụng cụ	2.797.987.269	1.579.744.485
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.551.600.932	9.258.124.848
Thành phẩm	1.289.636.402.878	1.557.646.164.823
Hàng hóa	5.180.155.056	5.104.375.056
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(16.372.810.397)	(16.372.810.397)
Cộng	1.329.303.965.723	1.585.310.700.202
8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC		
Ngắn hạn		
Số đầu năm	610.438.459	
Số cuối kỳ	28.160.448.586	
Dài hạn		
Số đầu năm	38.248.981.975	
Số cuối kỳ	37.864.352.461	

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	540.613.606.048	2.216.042.354.250	47.498.361.620	15.090.182.405	533.390.000	2.819.777.894.323
Tăng trong kỳ	75.334.545	3.828.100.000	613.296.048			4.516.730.593
<i>Mua sắm mới</i>		3.828.100.000	613.296.048			4.441.396.048
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	75.334.545					75.334.545
<i>Tăng khác</i>						
Giảm trong kỳ	680.875.769	3.872.097.030				4.552.972.799
<i>Giảm do thanh lý nhượng bán</i>	680.875.769	3.872.097.030				4.552.972.799
<i>Giảm khác</i>						
Số cuối kỳ	540.008.064.824	2.215.998.357.220	48.111.657.668	15.090.182.405	533.390.000	2.819.741.652.117
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	329.043.489.864	1.776.401.932.418	42.826.948.488	15.033.854.295	434.315.752	2.163.740.540.817
Tăng trong kỳ	4.276.119.958	8.139.316.055	265.635.147	13.852.213	2.169.510	12.697.092.883
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	4.276.119.958	8.139.316.055	265.635.147	13.852.213	2.169.510	12.697.092.883
<i>Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ PL</i>						
<i>Tăng khác</i>						
Giảm trong kỳ	524.850.099	3.447.600.562				3.972.450.661
<i>Giảm do thanh lý, nhượng bán</i>	524.850.099	3.447.600.562				3.972.450.661
<i>Giảm khác</i>						
Số cuối kỳ	332.794.759.723	1.781.093.647.911	43.092.583.635	15.047.706.508	436.485.262	2.172.465.183.039
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	211.570.116.184	439.640.421.832	4.671.413.132	56.328.110	99.074.248	656.037.353.506
Số cuối kỳ	207.213.305.101	434.904.709.309	5.019.074.033	42.475.897	96.904.738	647.276.469.078

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	32.195.577.517	15.230.260.896	47.425.838.413
Tăng trong kỳ do mua sắm	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-
Giảm khác			
Số cuối kỳ	32.195.577.517	15.230.260.896	47.425.838.413
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.880.826.308	6.663.239.147	9.544.065.455
Tăng trong kỳ do khấu hao	65.788.987	475.945.653	541.734.640
Giảm khác			
Số cuối kỳ	2.946.615.295	7.139.184.800	10.085.800.095
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	29.314.751.209	8.567.021.749	37.881.772.958
Số cuối kỳ	29.248.962.222	8.091.076.096	37.340.038.318

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	562.000.000	562.000.000
Dự án trung tâm công nghệ cao Lam Sơn	14.695.357.053	17.082.021.569
Dự án đầu tư công viên sinh thái tre, luồng Thanh Tam	275.820.805.319	275.463.035.159
Dự án đầu tư dây chuyền chiết chai PET/LON	7.952.450.296	7.839.368.775
Dự án khác	225.772.577	-
Cộng	299.256.385.245	300.946.425.503

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con	306.746.610.952	306.746.610.952
Công ty TNHH Một thành viên Thành An - Lam Sơn	8.300.000.000	8.300.000.000
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	100.737.621.024	100.737.621.024
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	13.950.000.000	13.950.000.000
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	21.396.593.886	21.396.593.886
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước	13.500.000.000	13.500.000.000
Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn	9.862.396.042	9.862.396.042

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn</i>	<i>139.000.000.000</i>	<i>139.000.000.000</i>
Đầu tư vào công ty liên kết	21.500.000.000	21.500.000.000
<i>Công ty Cổ phần rượu Việt Nam – Thụy Điển</i>	<i>21.500.000.000</i>	<i>21.500.000.000</i>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.251.145.800	5.251.145.800
<i>Tổng Công ty Mía đường I</i>	<i>2.974.645.800</i>	<i>2.974.645.800</i>
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà</i>	<i>2.276.500.000</i>	<i>2.276.500.000</i>
Đầu tư dài hạn khác	80.000.000.000	102.154.459.027
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(94.746.351.235)	(94.746.351.235)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả tại XNNL	8.247.177.628	118.287.229.347
Phải trả tại VPCT	33.808.995.655	31.141.279.444
Phải trả tại các đơn vị	1.344.921.973	1.518.555.023
Cộng	43.401.095.256	150.947.063.814

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	202.393.569.005	81.888.319.868
Cộng	202.393.569.005	81.888.319.868

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	19.946.584.507	13.860.805.167
Thuế xuất nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.212.893.455	20.289.599.466
Các loại thuế khác	-	-
Cộng	42.159.477.962	34.150.404.633

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngon mía giống, sản phẩm rau củ quả, dịch vụ cơ giới nông nghiệp	Không chịu thuế
Đường, mật rỉ	5%
Điện, nước mía, sữa gạo	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Quý I năm 2025/2026:

	Năm nay
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.931.202.673
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.154.753.695
<i>Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất</i>	<i>829.051.853</i>
<i>Chi phí khấu hao TSCĐ có NG trên 1.6 tỷ đồng</i>	<i>119.701.842</i>
<i>Thù lao của Hội đồng Quản trị không chuyên trách</i>	<i>81.000.000</i>
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản khác</i>	<i>125.000.000</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập tính thuế TNDN	24.085.956.368
Thuế TNDN hiện hành	3.612.893.455
Thuế TNDN năm trước	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	19.318.309.218

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả	5.527.531.838	4.840.471.535
Cộng	5.527.531.838	4.840.471.535

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	1.129.339.600	1.134.275.200
Kinh phí công đoàn	2.645.207.862	2.363.807.562
Hoàn ứng	896.958.350	517.483.845
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	10.514.285.288	10.304.607.709
Cộng	15.185.791.100	14.320.174.316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngân hàng, tổ chức tín dụng	1.010.082.054.404	1.222.228.998.852
Vay dài hạn đến hạn trả (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	1.012.082.054.404	1.224.228.998.852

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ dài hạn	3.735.000.000	3.735.000.000
Cộng	3.735.000.000	3.735.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay trong kỳ	Số tiền trả /giảm khác	Số cuối kỳ
Vay đối tượng khác	3.735.000.000	-	-	3.735.000.000
Cộng	3.735.000.000	-	-	3.735.000.000

() Vay dài hạn đến hạn trả phân loại sang ngắn hạn: 2.000.000.000 đồng***20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	21.187.206.058	21.747.113.119
Cộng	21.187.206.058	21.747.113.119

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	801.350.510.000	191.455.332.801	589.325.869.293	121.826.986.776	1.703.958.698.870
Lợi nhuận năm trước					-
Lợi nhuận năm nay				111.245.135.608	111.245.135.608
Trích lập quỹ đầu tư phát triển			9.052.918.617	(9.052.918.617)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(9.052.918.617)	(9.052.918.617)
Chia cổ tức bằng tiền mặt				(40.067.525.501)	(40.067.525.501)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	56.065.720.000			(56.065.720.000)	-
Các khoản khác					
Số dư cuối kỳ	857.416.230.000	191.455.332.801	598.378.787.910	118.833.039.649	1.766.083.390.360
Số dư đầu năm nay	857.416.230.000	191.455.332.801	598.378.787.910	118.833.039.649	1.766.083.390.360
Lợi nhuận năm trước					
Lợi nhuận năm nay				19.318.309.218	19.318.309.218
Trích lập quỹ đầu tư phát triển					
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi					
Chia cổ tức năm nay					
Các khoản khác					
Số dư cuối kỳ	857.416.230.000	191.455.332.801	598.378.787.910	138.151.348.867	1.785.401.699.578

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	857.416.230.000	857.416.230.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	191.455.332.801	191.455.332.801
Cộng	1.048.871.562.801	1.048.871.562.801

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	85.741.623	85.741.623
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	85.741.623	85.741.623
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	85.741.623	85.741.623
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	85.741.623	85.741.623
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	85.741.623	85.741.623

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

22. NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ HÌNH THÀNH TSCĐ

Số đầu năm	-
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	-
Số cuối kỳ	-

VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA QUÝ I NĂM TÀI CHÍNH 2025/2026:**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	366.851.169.035	458.420.134.979
Doanh thu bán hàng hóa	31.175.925.925	11.385.630.666
Doanh thu bán thành phẩm	332.917.868.797	446.992.702.692
Doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	2.757.374.313	41.801.621
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm		

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	366.851.169.035	458.420.134.979
Doanh thu bán hàng hóa	31.175.925.925	11.385.630.666
Doanh thu bán thành phẩm	332.917.868.797	446.992.702.692
Doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	2.757.374.313	41.801.621

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	31.187.713.303	11.436.106.906
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	284.225.304.966	391.631.051.384
Giá vốn của dịch vụ, hàng bán khác	2.394.930.195	867.950.076
Dự phòng/hoàn nhập hàng tồn kho	-	-
Cộng	317.807.948.464	403.935.108.366

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.009.353.313	477.199.324
Lãi tiền cho vay	614.374.374	463.576.251
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.129.042.597	1.326.812.604
Lãi đầu tư trái phiếu	1.200.610.502	1.237.284.626
Lãi khác	144.033.960	22.002.000
Cộng	5.097.414.746	3.526.874.805

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	15.643.920.995	9.094.446.162
Lỗ tỷ giá hối đoái của hoạt động SXKD	83.497.531	1.106.927.528
Chiết khấu thanh toán	-	2.093.336.237
Lỗ các khoản đầu tư khác	-	-
Chi phí khác	-	19.665.000
Cộng	15.727.418.526	12.314.374.927

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	918.027.437	1.410.903.539
Chi phí khấu hao TSCĐ	930.088.065	613.075.683
Chi phí vận chuyển	1.343.422.143	2.898.469.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.625.772.000	3.595.933.915
Chi phí bằng tiền khác	1.031.082.906	1.914.585.622
Cộng	6.848.392.551	10.432.968.211

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.702.847.382	2.293.435.768
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.301.078.501	2.345.868.173
Chi phí dịch vụ mua ngoài	989.441.244	1.166.737.096
Chi phí dự phòng, trợ cấp	-	-
Chi phí quản lý bằng tiền khác	1.628.934.395	1.998.847.525
Cộng	7.622.301.522	7.804.888.562

7. THU NHẬP KHÁC

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	24.107.492	-
Thu nhập khác	36.932.086	2.104.000
Cộng	61.039.578	2.104.000

8. CHI PHÍ KHÁC

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao và kiểm tu của tài sản cố định tạm dừng sản xuất	615.457.854	55.958.610
Chi phí khác	456.901.769	228.918.940
Cộng	1.072.359.623	284.877.550

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-

Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý I- năm 2025/2026	19.318.309.218
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	85.741.623
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	225

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ như sau:

	Năm nay
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	85.741.623
Cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	85.741.623

VII – NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	30/09/2025	01/07/2025
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	57,86	59,89
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	42,14	40,11
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	44,05	47,60
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	55,95	52,40
Khả năng thanh toán		30/09/2025	01/07/2025
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,27	2,10
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,34	1,28
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,01	0,01

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Tỷ suất sinh lời từ 01/07 đến 30/09:			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	6,25	5,99
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	5,27	5,09
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	6,25	5,99
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	5,27	5,09
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0,72	1,03
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,61	0,87
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>	%	1,08	1,36

2. Báo cáo bộ phận**Theo lĩnh vực kinh doanh:**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về đường và các loại sản phẩm nông nghiệp khác. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Giao dịch và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024
Giao dịch mua hàng			
Công ty CP TM XNK Lam Sơn	Công ty con	1.799.225.423	3.595.933.915
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	214.952.955	452.296.100
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	2.208.981.500	5.043.300.000
Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng	Công ty con	-	-
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	33.915.000	10.800.000
Giao dịch bán hàng			
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	462.341.868	124.000.000
Công ty CP TM XNK Lam Sơn	Công ty con	104.259.169.899	127.162.954.608

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Mối quan hệ	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024
Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng	Công ty con	150.495.000	148.580.000
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	607.549.269	378.493.149
Công ty TNHH Thành An - Lam Sơn	Công ty con	25.753.274	33.649.193

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tại ngày 01/07/2025 và ngày 30/09/2025, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	882.000.000	882.000.000
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	2.036.912.061	1.767.303.561
Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng	Công ty con	22.367.167.085	22.209.147.335
Phải trả người bán			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	2.319.430.575	112.361.685.000
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn Bá Thước	Công ty con	5.873.187.053	5.873.187.053
Phải thu khách hàng			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
Công ty CP TM XNK Lam Sơn	Công ty con	-	2.687.215.126
Người mua trả trước			
Công ty CP TM XNK Lam Sơn	Công ty con	8.024.137.159	-
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	5.405.438.786	4.998.680.900
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	38.945.418.280	42.800.000.000

4. Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025 VND	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024 VND
1	Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch HĐQT	813.632.657	586.893.174
2	Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	313.740.195	328.916.539

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3	Bà Lê Thị Huệ	Ủy viên thường trực HĐQT	241.657.118	283.341.241
4	Ông Phùng Thanh Hải	Ủy viên HĐQT	41.000.000	31.000.000
5	Ông Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên HĐQT	40.000.000	30.000.000
6	Ông Lê Văn Phương	Tổng giám đốc	435.244.686	323.881.399
7	Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	252.534.130	156.195.725
8	Ông Lê Bá Chiêu	Phó Tổng Giám đốc	206.822.724	94.336.746
9	Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	152.408.575	215.986.924
10	Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc	120.933.974	99.958.046
11	Ông Lê Huy Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát	141.905.449	110.818.628
12	Ông Trịnh Đình Toán	Thành viên Ban Kiểm soát	113.217.651	87.966.330
13	Ông Nguyễn Thành Tâm	Thành viên Ban Kiểm soát	-	22.266.471
14	Bà Nguyễn Thị Hồng An	Thành viên Ban Kiểm soát	55.364.268	-
Tổng			2.928.461.429	2.371.561.223

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

5. Giải trình biến động lợi nhuận so với cùng kỳ

Lợi nhuận sau thuế Quý I niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026 đạt 19.318.309.218 đồng, giảm 16,26% so với cùng kỳ năm tài chính 2024/2025, do một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Từ 01/07 đến 30/09		
		Năm nay (đ)	Năm trước (đ)	Tăng giảm (%)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	366.851.169.035	458.420.134.979	(19,97)%
2	Giá vốn hàng bán	317.807.948.464	403.935.108.366	(21,32)%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.043.220.571	54.485.026.613	(9,99)%
4	Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu	13,37%	11,89%	12,48%
5	Doanh thu hoạt động tài chính	5.097.414.746	3.526.874.805	44,53%
6	Chi phí tài chính	15.727.418.526	12.314.374.927	27,72%
7	Chi phí bán hàng	6.848.392.551	10.432.968.211	(34,36)%
8	Chi phí quản lý	7.622.301.522	7.804.888.562	(2,34)%
9	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	19.318.309.218	23.069.352.264	(16,26)%

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên nhân :

Doanh thu năm nay giảm 19,97%, Giá vốn giảm 21,32% so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay giảm 9,99% so với cùng kỳ năm trước,

Doanh thu từ hoạt động tài chính tăng 44,53%, Chi phí tài chính tăng 27,72%% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng năm nay giảm 34,36%, chi phí quản lý giảm 2,34% so với cùng kỳ năm trước,

Do đó, Lợi nhuận kế toán sau thuế Quý I niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026 đạt 19.318.309.218 đồng, giảm 16,26% so với cùng kỳ năm trước.

Lập ngày 29 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu



Lê Đức Anh

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương